

Tên:

Từ vựng & Ngữ pháp HW:

Lớp: S3...

Nghe HW:

Ngày giao bài: Thứ ..., ngày .../.../...

Ngày nộp bài: Thứ ..., ngày .../.../...



GE3 - Unit 9: Robots - Vocabulary 1 & Flyers Listening

A. THEORY

I. VOCABULARY: "What Are Robots Like?"

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	lab (n)	phòng thí nghiệm	7	dust (v)	phủ bụi, lau bụi
2	put away (phr.v)	cất đi, dọn đi	8	chores (n)	việc nhà
3	science fiction (n)	khoa học viễn tưởng	9	laundry (n)	việc giặt giũ
4	humanoid (adj)	giống người	10	claim (v)	tuyên bố, khẳng định
5	height (n)	chiều cao	11	neglect (v)	lơ là, bỏ bê
6	kilogram (n)	ki-lô-gam			

II. FLYERS LISTENING

1. Extra vocabulary: CLASSWORK

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	journalist (n)	nhà báo	4	museum (n)	bảo tàng
2	island (n)	hòn đảo	5	theatre (n)	nhà hát
3	skiing (n)	môn trượt tuyết	6	apartment (n)	căn hộ

*Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ; adj = adjective: tính từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ.

2. Method: Picture analysis

Bước 1. Nhìn kỹ bức tranh: Quan sát 6 bức tranh và hiểu rõ từng địa điểm:

A – hotel near the beach (khách sạn gần biển)



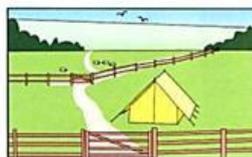
A

B – apartment in a city (căn hộ trong thành phố)



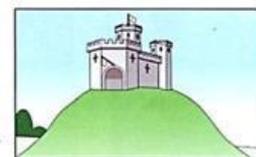
B

C – tent on a farm (lều ở nông trại)



C

D – old castle on a hill (lâu đài cổ trên đồi)



D

E – boat (thuyền)



E

F – little wooden house in a forest (nhà gỗ nhỏ trong rừng)



F

Bước 2. Tìm chi tiết chính:

- **Nghề nghiệp:** **journalist** (nhà báo), **nurse** (y tá), **artist** (nghệ sĩ), **dentist** (nha sĩ), **tennis player** (vận động viên tennis), **teacher** (giáo viên)

Bước 3. Tìm dấu hiệu:

Khi nghe, chú ý các cụm từ chỉ nơi ở:

“*stayed in a hotel near the beach*” → **A**

“*his sister’s apartment in London*” → **B**

“*slept in a tent in one of the fields*” → **C**

“*stayed in an old castle on top of a hill*” → **D**

“*slept on the boat*” → **E**

“*slept in a little house made of wood*” → **F**

Bước 4. Sử dụng các từ tiếng Anh con đã biết:

Hãy nhớ các từ và vị trí trong bài để hoàn thành câu trả lời chính xác.

He stayed in a hotel near the beach.

She slept in a tent on a farm.

She slept on the boat.

He slept in a little wooden house.

She stayed in an old castle.

He stayed in an apartment in London.

***Lưu ý:**

- Không chỉ nghe nghề nghiệp. Hãy đợi nghe đến **địa điểm nghỉ hè** rồi mới chọn đáp án.
- Có thể sẽ có **thông tin gây nhiễu** phía trước (ví dụ: “she stayed on a farm... but she didn’t stay in the farmer’s house”).
- Nghe kỹ từ **but** vì đáp án đúng thường nằm phía sau từ này.

B. CLASSWORK

I. Pre-listening: Match the words with their correct definitions. (Nối các từ với định nghĩa đúng.)

0. hotel	A. a small house made of cloth for camping
1. tent	B. a large building where kings and queens lived
2. boat	C. a place where people stay when they travel
3. wood	D. a home that is part of a big building
4. castle	E. a small vehicle that travels on water
5. apartment	F. hard material from trees

Your answer:

0 - <u>C</u>	1 -	2 -	3 -	4 -	5 -
--------------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------

II. Listen and write a letter in each box. (Nghe và viết một chữ cái vào mỗi ô vuông.)

Các con nghe bài ở link hoặc code sau:

<https://soundcloud.com/ms-chi-english/s3-w28-classwork-flyers-part-3>



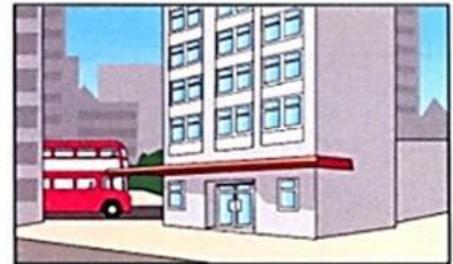
FLYERS PART 3 - 5 questions

Peter has lots of friends who all do different jobs. Where did each of Peter's friends stay last summer?

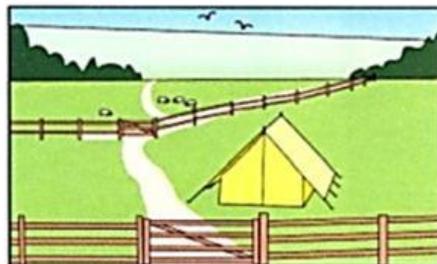
journalist	<u>A</u>
nurse
teacher
artist
tennis player
dentist



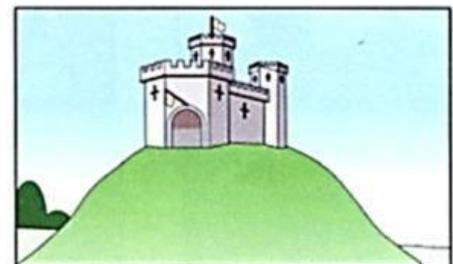
A



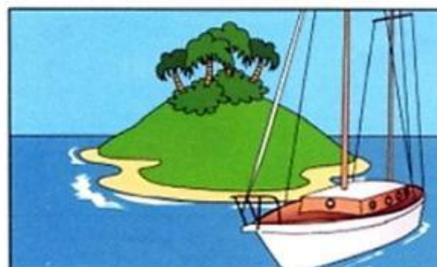
B



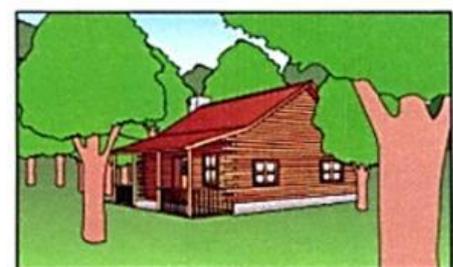
C



D



E



F

C. HOMEWORK

VOCABULARY & GRAMMAR (15 questions)

I. Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ ở mục I. VOCABULARY: “What Are Robots Like?” và FLYERS LISTENING 1. Extra vocabulary (trang 1) 1 dòng vào vở ghi.

II. Read and complete the words. (Đọc và hoàn thành các từ.)

0. Every morning, the robots dust (**s u t**) the table and the shelves to keep the room clean.

1. This robot looks h..... (a n o u m i d). It has two arms and two legs like a person.
2. I like watching s..... (c n c i e e) f..... (i o n c t i) movies about robots and space.
3. Children should help their parents with c..... (h e s o r) like washing the dishes.
4. Don't n..... (e t g l e c) your homework. Do it before you play games.
5. The robot can carry heavy boxes. The boxes weigh many k..... (i g r a l o m s).

III. Read and decide if each statement is True or False. (Đọc và chọn True/False cho mỗi câu.)

A Day with My Robot

Last week, I visited a lab to see a new humanoid robot. It looks very realistic because it has a head, two arms and two legs like a person. The robot is 170 centimetres in height and weighs about 60 kilograms.

The scientists claim that this robot can help people at home. It can dust the furniture and do simple chores like helping with the laundry. After it finishes, it always puts away the cleaning tools carefully.

The robot can also talk about science fiction movies. However, the scientists say people must not neglect their own work. The robot is only there to help, not to do everything.

- | | |
|--|-------------|
| 0. The writer visited a lab to see a robot. | <u>True</u> |
| 1. The robot looks like a person. | |
| 2. The robot weighs 170 kilograms. | |
| 3. The robot can dust the furniture and help with the laundry. | |
| 4. The robot never puts away the cleaning tools. | |
| 5. The scientists say people should neglect their work. | |

IV. Read and complete the sentences with COMPARATIVE or SUPERLATIVE ADJECTIVES.

(Đọc và hoàn thành các câu bằng TÍNH TỪ SO SÁNH HƠN hoặc SO SÁNH NHẤT.)

0. A humanoid robot is more useful than (**useful**) a simple machine.

1. Cleaning robots are (**fast**) people at doing chores.
2. A robot lab is (**modern**) place in our school.
3. This robot is (**heavy**) my school bag.
4. That science fiction movie is (**exciting**) film about robots.
5. Small robots are (**safe**) big industrial robots for children.



Các con nghe bài ở link hoặc code sau:

<https://soundcloud.com/ms-chi-english/s3-w28-classwork-flyers-part-3>



Listen again to the Classwork on page 3. Choose the correct answers.

(Nghe lại bài ở phần Classwork trang 3. Chọn đáp án đúng.)

0. What does the journalist do?

- A. He works in a hospital.
- B. He writes for an important newspaper.**
- C. He paints pictures of the sea.

1. Why did the nurse want a quiet holiday?

- A. She has a very busy job.
- B. She was feeling ill.
- C. She doesn't like people.

2. What does the artist paint?

- A. Pictures of animals.
- B. Pictures of the mountains.
- C. Pictures of the sea.

3. What did the dentist enjoy during his holiday?

- A. Being in a place with many people.
- B. Spending time in nature with birds and animals.
- C. Visiting museums.

4. What does the tennis player usually do on holiday?

- A. She usually goes skiing.
- B. She usually sails to islands.
- C. She usually visits cities.

5. Why did the teacher enjoy his holiday?

- A. He likes skiing in the mountains.
- B. He loves visiting museums and theatres.
- C. He wanted to work during the summer.